**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại | **Nhận biết:**  **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:** *Kiểu bài, đối tượng, ngôi kể, bố cục, xác định được yêu cầu của đề bài,…*  **Thông hiểu:** *Xác định được cốt truyện, sắp xếp các sự việc,…*  **Vận dụng:** *Vận dụng những hiểu biết về kiến thức, kĩ năng để tạo lập văn bản.*  **Vận dụng cao:** *Sáng tạo, hấp dẫn, tính hoàn chỉnh của văn bản.*  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**MĂNG TRE**

*Sau những trận mưa tầm tã, bên khóm tre già đã bị chặt cụt, đất bỗng nứt ra, và một búp măng ló đầu lên, đội lá mục, phá vỡ con đường bọn mối đang đắp. Lũ mối chạy tán loạn, la lên:*

*- Làng nước ơi! Có kẻ cướp, kẻ cướp!*

*Bọ xít thêm vào:*

*- Ừ, mùi nó hôi quá!*

*Mấy cái nấm dại chụm đầu nhau bàn tán:*

*- Nó là giống gì vậy? Không cành, không lá, cây chẳng ra cây!*

*Nhái bén làm ra vẻ thâm thúy:*

*- Hãy nhìn kĩ mà xem. Đầu nó nhọn hình lưỡi mác, chắc là nó có mưu đồ nham hiểm!*

*Thế là cả bọn hùa vào nguyền rủa măng tre, cầu mong cho măng tre bị thui chột mà chết. Rồi lũ tịt, lũ kiến bâu đến cắn măng, thi nhau hút nhựa măng cứ như là đòn hội chợ vậy.*

*Mặc những tiếng ỉ eo, mặc những sự phá rối, búp măng cứ lừng lững vươn cao. Và mưa rào đã giúp măng đẩy trôi hàng nghìn con kiến con tụt xuống vũng ao tù.*

*Nhái bén ngước mặt nhìn ngọn măng rồi nói kháy:*

*- Hừ, leo cao ngã đau!*

*Mấy cái nấm thấp lè tè ghen tức:*

*- Nó lớn nhanh như thế, chắc là bị bệnh!*

*Chỉ có chim chèo bẻo bay lượn trên cao là biết rõ dòng dõi nhà măng. Chèo bẻo cất tiếng:*

*- Chòe…choẹt! …chòe… choẹt!... Cười người hôm trước, hôm sau người cười! Ngốc quá bạn ơi!*

*Nhái bén xanh tái cả da. Lũ nấm cụp hết đầu lại.*

*Vươn lên đủ độ cao, ngọn măng nảy cành, ra lá. Một cây tre non tơ, xanh mướt in hình trên nền trời thu trong trẻo.*

*Dường như không nghe thấy những lời chửi bới, gièm pha của lũ mối, kiến, nấm và nhái, cây tre hiền từ cao cả mỗi ngày một thêm xanh tốt. Không thèm chấp những lời nói xằng của lũ vật bé mọn kia, cây tre quanh năm tỏa rộng cành chắn gió che mưa cho chúng.*

*Và sớm sớm, đậu chót vót trên ngọn tre cao, chim chèo bẻo cất tiếng kêu cần mẫn báo hiệu một ngày mới đã bắt đầu.*

*(*Vũ Tú Nam, Tập truyện “*Cái Tết của Mèo con*” – Nhiều tác giả,

tr.122-123, NXB Văn học, 2015*)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1:** Truyện “*Măng tre*” thuộc thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện cổ tích. | 1. Truyện đồng thoại. |
| 1. Truyện ngắn. | 1. Truyền thuyết. |

**Câu 2:** Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ngôi thứ nhất. | 1. Ngôi thứ hai. |
| 1. Ngôi thứ ba. | 1. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba. |

**Câu 3:** Trong những từ sau đây, từ nào *không phải* là từ láy?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Tầm tã | 1. Lừng lững | 1. Trong trẻo | 1. Cần mẫn |

**Câu 4:** Từ “*cần mẫn*” trong truyện có nghĩa là gì?

1. Siêng năng, lanh lợi, làm một cách bền bỉ, lâu dài trong công việc.
2. Năng nổ, tháo vát, có hiệu quả cao trong công việc.
3. Sáng suốt, tinh tường, không bị nhầm lẫn.
4. Cần đến mức không thể nào không làm hoặc không có.

**Câu 5:** Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.

C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.

D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

**Câu 6:** Biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong văn bản có tác dụng gì?

1. Làm cho câu chuyện được kể sinh động, biểu hiện được những suy nghĩ của nhân vật măng tre.
2. Làm cho câu chuyện được kể sinh động, biểu hiện được những suy nghĩ của nhân vật chim chèo bẻo.
3. Làm cho câu chuyện được kể sinh động, biểu hiện được những suy nghĩ, lời nói và hành động của nhân vật giống như con người.
4. Làm cho câu chuyện được kể sinh động, giúp ta hiểu những thông điệp được gửi gắm trong văn bản.

**Câu 7:** Nhận xét nào sau đây đúng với chủ đề của truyện?

1. Truyện thể hiện sự kiêu ngạo, coi thường những người xung quanh của măng tre.
2. Truyện thể hiện tình bạn sâu sắc của măng tre và chim chèo bẻo.
3. Truyện thể hiện sự ngưỡng mộ của các nhân vật đối với măng tre.
4. Truyện thể hiện sự tự tin, mạnh mẽ của măng tre.

**Câu 8:** Câu văn: “*Chòe…choẹt! …chòe… choẹt!... Cười người hôm trước, hôm sau người cười! Ngốc quá bạn ơi!*” thể hiện thái độ gì của chèo bẻo với các nhân vật mối, kiến, nhái, nấm?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Tức giận | 1. Chế giễu | 1. Coi thường | 1. Khen ngợi |

**Câu 9:** Em hãy rút ra thông điệp sâu sắc nhất sau khi đọc truyện trên?

**Câu 10:** Từ văn bản trên, em hãy nêu những việc làm của em trong cách ứng xử với bạn bè và mọi người xung quanh?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Tuổi thơ mỗi con người đều có những kỉ niệm vui buồn. Mỗi kỉ niệm là một trải nghiệm thú vị và đáng nhớ của chúng ta. Hãy viết một bài văn kể lại trải nghiệm khó quên đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - Học sinh có thể nêu được cụ thể một số thông điệp sau:  + Luôn mạnh mẽ, tự tin vươn lên trong cuộc sống mặc kệ những lời gièm pha, nói xấu của những người xung quanh.  + Không được ghen ghét, đố kị, làm hại người khác.  + Luôn có lòng vị tha, bao dung cho lỗi lầm của người khác,… | 1,0 |
|  | **10** | - Những việc làm của em trong cách ứng xử với bạn bè và mọi người xung quanh:  + Không được ghen ghét, đố kị, làm tổn hại người khác.  + Luôn biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Có lòng vị tha, bao dung cho lỗi lầm của người khác, giúp họ nhận ra sai lầm và sửa chữa sai lầm.  + Luôn sống vui vẻ, chan hòa với mọi người, không được ích kỉ chỉ nghĩ cho bản thân,… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một trải nghiệm* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm của bản thân*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc sau trải nghiệm đó. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

*Lưu ý: HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau. Vì vậy giáo viên cần linh hoạt đánh giá và ghi điểm theo thực tế bài làm của HS*